

TÀI LIỆU MINH HỌA BÁN HÀNG
SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐẦU TƯ

AN PHÁT ĐẦU TƯ THỊNH VƯỢNG



VỆ TOÀN BẢO VỆ

Quyền lợi bảo vệ từ
1.375.000.000 đồng trước
rủi ro Tử vong hoặc
Thương tật toàn bộ vĩnh viễn



SONG HÀNH BẢO VỆ

bảo hiểm thêm cho người thân
trước rủi ro Tử vong do Tai nạn
lên đến **687.500.000** đồng mà
không tăng phí



ĐẦU TƯ HIỆU QUẢ CHO TƯƠNG LAI

khi hưởng kết quả đầu tư
thực tế với **05 Quỹ đầu tư**
được quản lý bởi chuyên gia
tài chính giàu kinh nghiệm



GIA TĂNG GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ

với các khoản thưởng hấp dẫn



NHẬN 100% GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN HỢP ĐỒNG

Khi đáo hạn hợp đồng

SCAN QR CODE ĐỂ THAM KHẢO THÊM THÔNG TIN



Trang thông tin sản phẩm
(bao gồm Quy tắc và
Điều khoản sản phẩm)



Thông tin của
Quỹ Liên kết
đơn vị



Công cụ tính phí -
Xây dựng kế hoạch
bảo hiểm



Ứng dụng **Dai-ichi**
Connect hỗ trợ
quản lý hợp đồng



Công ty
quản lý Quỹ

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ DAI-ICHI VIỆT NAM

Hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh Bảo hiểm nhân thọ, Bảo hiểm sức khỏe, Tái bảo hiểm và Đầu tư vốn theo Giấy phép đầu tư số 2134/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 12/10/1999 và Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC10/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 18/01/2007; Vốn điều lệ: gần 9.800 tỷ đồng;

Trụ sở chính/ Trung tâm Dịch vụ Khách hàng: Tòa nhà Dai-ichi Life, 149 - 151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

Hotline: (028) 3810 0888

Fax: (028) 3997 3000

Website: <https://dai-ichi-life.com.vn>

Email: customer.services@dai-ichi-life.com.vn



MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM 3

 Thông Tin Khách Hàng 3

 Thông Tin Sản Phẩm Bảo Hiểm 3

 Kế Hoạch Đóng Phí Cho Năm Hợp Đồng Đầu Tiên 4

 Thông Tin Về Đại Lý Bảo Hiểm Cá Nhân 5

 Kế hoạch đóng phí dự kiến hàng năm và Phí bảo hiểm thay đổi hàng năm của Hợp đồng 6

THÔNG TIN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM 11

 Sản Phẩm Bảo Hiểm Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7 11

 Sản Phẩm Bảo Hiểm Liên Kết Đơn Vị An Phát Đầu Tư Thịnh Vượng 16

THÔNG TIN ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ BẢO HIỂM 18

CÁC KHOẢN PHÍ TÍNH CHO KHÁCH HÀNG 19

HOẠT ĐỘNG CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ 21

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA SẢN PHẨM CHÍNH 24

 Trường Hợp 1: Đóng Phí bảo hiểm dự kiến trong thời hạn đóng phí dự kiến 24

 Trường Hợp 2: Đóng Phí bảo hiểm dự kiến trong thời hạn đóng phí bắt buộc 31

 Minh họa Giá trị hoàn lại và tóm tắt các Quyền lợi tại cuối năm hợp đồng thứ 20 37

MỘT SỐ LƯU Ý QUAN TRỌNG 38

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM 39

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI LÝ BẢO HIỂM 39

BẢNG CÂU HỎI ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHẤP NHẬN RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ 40

TÀI LIỆU MINH HỌA BÁN HÀNG NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ KHI CÓ ĐẦY ĐỦ CÁC TRANG VÀ CÁC TRANG CÓ CÙNG SỐ TÀI LIỆU MINH HỌA.

THÔNG TIN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

		Họ và tên	Giới tính	Tuổi tham gia bảo hiểm	Nhóm nghề nghiệp
Bên mua bảo hiểm	BMBH	NGUYỄN VĂN A	Nam	35	1
Người được bảo hiểm chính	NDBH.1	NGUYỄN THỊ B	Nữ	34	1
Người được bảo hiểm Sản phẩm bán kèm	NDBH.2	NGUYỄN VĂN A	Nam	35	1
Người được song hành bảo vệ	NDSHBV	NGUYỄN VĂN A	Nam	35	1

THÔNG TIN SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Sản phẩm chính	Thời hạn bảo hiểm (năm)	Thời hạn đóng phí dự kiến (năm) (1)	Số tiền bảo hiểm (đồng)	Phí bảo hiểm cơ bản (đồng/năm)
NDBH.1 - NGUYỄN THỊ B Sản phẩm bảo hiểm Liên kết đơn vị An Phát Đầu Tư Thịnh Vượng	66	66	1.375.000.000	25.000.000

Sản phẩm bán kèm	Thời hạn bảo hiểm (năm)	Thời hạn đóng phí dự kiến (năm) (1)	Số tiền bảo hiểm (đồng)	Phí bảo hiểm (đồng/năm)
NDBH.1 - NGUYỄN THỊ B BH Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7 (2)	gia hạn hàng năm	gia hạn hàng năm		6.110.000
- Quyền lợi Điều trị nội trú Thịnh Vượng				6.110.000
NDBH.2 - NGUYỄN VĂN A				

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ.

Sản phẩm bán kèm	Thời hạn bảo hiểm (năm)	Thời hạn đóng phí dự kiến (năm) (1)	Số tiền bảo hiểm (đồng)	Phí bảo hiểm (đồng/năm)
BH Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7 (2)	gia hạn hàng năm	gia hạn hàng năm		12.057.000
- Quyền lợi Điều trị nội trú Thịnh Vượng				6.110.000
- Quyền lợi Điều trị ngoại trú Cao Cấp				3.593.000
- Quyền lợi Chăm sóc răng Cao Cấp				2.354.000

Ghi chú:

(1) Thời hạn đóng phí dự kiến:

- Thời hạn đóng phí của Sản phẩm chính tối đa bằng Thời hạn bảo hiểm (66 năm). Bên mua bảo hiểm phải đóng đầy đủ và đúng hạn Phí bảo hiểm định kỳ trong 04 Năm hợp đồng đầu tiên và có thể đóng phí linh hoạt từ Năm hợp đồng thứ năm (05) trở đi với điều kiện Giá trị Tài khoản hợp đồng sau khi trừ đi các Khoản nợ lớn hơn 0.
- Thời hạn đóng phí của (các) Sản phẩm bán kèm bằng với Thời hạn bảo hiểm. Khách hàng cần phải đóng phí đầy đủ và đúng hạn cho các Sản phẩm bán kèm trong suốt Thời hạn bảo hiểm để đảm bảo hiệu lực của sản phẩm.

(2) Thời hạn bảo hiểm là 01 (một) năm và được gia hạn hàng năm cho đến một trong hai thời điểm sau, tùy thời điểm nào xảy ra trước: (i) Thời hạn đóng phí của Sản phẩm chính kết thúc hoặc (ii) Người được bảo hiểm của Sản phẩm bán kèm này đạt 75 tuổi. Phí bảo hiểm của Sản phẩm bán kèm này sẽ thay đổi hàng năm vào Ngày gia hạn năm hợp đồng theo tuổi đạt được của Người được bảo hiểm. Tham khảo thêm phí bảo hiểm hàng năm ở trang “Kế hoạch đóng phí dự kiến hàng năm và Phí bảo hiểm thay đổi hàng năm của Hợp đồng”. Mức phí bảo hiểm này có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ.

KẾ HOẠCH ĐÓNG PHÍ CHO NĂM HỢP ĐỒNG ĐẦU TIÊN			Đơn vị tính: đồng
Định kỳ đóng Phí bảo hiểm dự kiến	Năm	Nửa năm	Quý
Phí bảo hiểm định kỳ	43.167.000	21.583.500	10.791.800
• Phí bảo hiểm cơ bản (a)	25.000.000	12.500.000	6.250.000
• Phí bảo hiểm của Sản phẩm bán kèm (b)	18.167.000	9.083.500	4.541.800
Phí bảo hiểm đóng thêm (c)	0		
Phí bảo hiểm dự kiến đóng định kỳ (d) = (a) + (b) + (c)	43.167.000		

Ghi chú: Phí bảo hiểm của những năm sau được minh họa ở trang “Kế hoạch đóng phí dự kiến hàng năm và Phí bảo hiểm thay đổi hàng năm của Hợp đồng”.

THÔNG TIN VỀ ĐẠI LÝ BẢO HIỂM CÁ NHÂN	
Họ và tên Đại lý bảo hiểm cá nhân: Product Dummy Agent	Mã số đại lý: 158424

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ.

KẾ HOẠCH ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN HÀNG NĂM VÀ PHÍ BẢO HIỂM THAY ĐỔI HÀNG NĂM CỦA HỢP ĐỒNG

Đơn vị tính: nghìn đồng

Kế hoạch đóng phí dự kiến hàng năm								Phí bảo hiểm thay đổi hàng năm của tất cả những Người được bảo hiểm tham gia của từng Sản phẩm bán kèm	
Năm hợp đồng	Sản phẩm chính		Tổng Phí bảo hiểm của Sản phẩm chính (a)	Phí bảo hiểm của (các) Sản phẩm bán kèm <i>Các sản phẩm này sẽ chấm dứt hiệu lực nếu không được đóng phí đầy đủ và đúng hạn trong suốt Thời hạn bảo hiểm, hoặc khi Sản phẩm chính bị chấm dứt hiệu lực.</i>			Tổng Phí bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm (c) = (a) + (b)	BH Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7 (bao gồm Quyền lợi Nội trú, Ngoại trú và Chăm sóc răng (nếu có))	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm		BH Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7	(Các) Sản phẩm bán kèm khác	Tổng Phí bảo hiểm (b)			
1	25.000		25.000	18.167		18.167	43.167	18.167	
2	25.000		25.000	20.053		20.053	45.053	20.053	
3	25.000		25.000	20.523		20.523	45.523	20.523	
4	25.000		25.000	20.523		20.523	45.523	20.523	
5	25.000		25.000	20.523		20.523	45.523	20.523	
6	25.000		25.000	20.523		20.523	45.523	20.523	
7	25.000		25.000	21.360		21.360	46.360	21.360	
8	25.000		25.000	21.820		21.820	46.820	21.820	
9	25.000		25.000	21.820		21.820	46.820	21.820	
10	25.000		25.000	21.820		21.820	46.820	21.820	
11	25.000		25.000	21.820		21.820	46.820	21.820	
12	25.000		25.000	23.346		23.346	48.346	23.346	
13	25.000		25.000	24.446		24.446	49.446	24.446	
14	25.000		25.000	24.446		24.446	49.446	24.446	
15	25.000		25.000	24.446		24.446	49.446	24.446	

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ.

Kế hoạch đóng phí dự kiến hàng năm								Phí bảo hiểm thay đổi hàng năm của tất cả những Người được bảo hiểm tham gia của từng Sản phẩm bán kèm	
Năm hợp đồng	Sản phẩm chính		Tổng Phí bảo hiểm của Sản phẩm chính (a)	Phí bảo hiểm của (các) Sản phẩm bán kèm <i>Các sản phẩm này sẽ chấm dứt hiệu lực nếu không được đóng phí đầy đủ và đúng hạn trong suốt Thời hạn bảo hiểm, hoặc khi Sản phẩm chính bị chấm dứt hiệu lực.</i>			Tổng Phí bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm (c) = (a) + (b)	BH Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7 (bao gồm Quyền lợi Nội trú, Ngoại trú và Chăm sóc răng (nếu có))	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm		BH Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7	(Các) Sản phẩm bán kèm khác	Tổng Phí bảo hiểm (b)			
16	25.000		25.000	24.446		24.446	49.446		24.446
17	25.000		25.000	25.493		25.493	50.493		25.493
18	25.000		25.000	26.163		26.163	51.163		26.163
19	25.000		25.000	26.163		26.163	51.163		26.163
20	25.000		25.000	26.163		26.163	51.163		26.163
21	25.000		25.000	26.163		26.163	51.163		26.163
22	25.000		25.000	28.761		28.761	53.761		28.761
23	25.000		25.000	30.981		30.981	55.981		30.981
24	25.000		25.000	30.981		30.981	55.981		30.981
25	25.000		25.000	30.981		30.981	55.981		30.981
26	25.000		25.000	30.981		30.981	55.981		30.981
27	25.000		25.000	34.142		34.142	59.142		34.142
28	25.000		25.000	36.832		36.832	61.832		36.832
29	25.000		25.000	36.832		36.832	61.832		36.832
30	25.000		25.000	36.832		36.832	61.832		36.832
31	25.000		25.000	27.440		27.440	52.440		27.440

Kế hoạch đóng phí dự kiến hàng năm								Phí bảo hiểm thay đổi hàng năm của tất cả những Người được bảo hiểm tham gia của từng Sản phẩm bán kèm	
Năm hợp đồng	Sản phẩm chính		Tổng Phí bảo hiểm của Sản phẩm chính (a)	Phí bảo hiểm của (các) Sản phẩm bán kèm <i>Các sản phẩm này sẽ chấm dứt hiệu lực nếu không được đóng phí đầy đủ và đúng hạn trong suốt Thời hạn bảo hiểm, hoặc khi Sản phẩm chính bị chấm dứt hiệu lực.</i>			Tổng Phí bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm (c) = (a) + (b)	BH Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7 (bao gồm Quyền lợi Nội trú, Ngoại trú và Chăm sóc răng (nếu có))	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm		BH Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7	(Các) Sản phẩm bán kèm khác	Tổng Phí bảo hiểm (b)			
32	25.000		25.000	34.850		34.850	59.850	34.850	
33	25.000		25.000	42.260		42.260	67.260	42.260	
34	25.000		25.000	42.260		42.260	67.260	42.260	
35	25.000		25.000	42.260		42.260	67.260	42.260	
36	25.000		25.000	42.260		42.260	67.260	42.260	
37	25.000		25.000	50.790		50.790	75.790	50.790	
38	25.000		25.000	59.320		59.320	84.320	59.320	
39	25.000		25.000	59.320		59.320	84.320	59.320	
40	25.000		25.000	59.320		59.320	84.320	59.320	
41	25.000		25.000	29.660		29.660	54.660	29.660	
42	25.000		25.000				25.000		
43	25.000		25.000				25.000		
44	25.000		25.000				25.000		
45	25.000		25.000				25.000		
46	25.000		25.000				25.000		
47	25.000		25.000				25.000		

Kế hoạch đóng phí dự kiến hàng năm							
Năm hợp đồng	Sản phẩm chính		Tổng Phí bảo hiểm của Sản phẩm chính (a)	Phí bảo hiểm của (các) Sản phẩm bán kèm <i>Các sản phẩm này sẽ chấm dứt hiệu lực nếu không được đóng phí đầy đủ và đúng hạn trong suốt Thời hạn bảo hiểm, hoặc khi Sản phẩm chính bị chấm dứt hiệu lực.</i>			Tổng Phí bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm (c) = (a) + (b)
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm		BH Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7	(Các) Sản phẩm bán kèm khác	Tổng Phí bảo hiểm (b)	
48	25.000		25.000				25.000
49	25.000		25.000				25.000
50	25.000		25.000				25.000
51	25.000		25.000				25.000
52	25.000		25.000				25.000
53	25.000		25.000				25.000
54	25.000		25.000				25.000
55	25.000		25.000				25.000
56	25.000		25.000				25.000
57	25.000		25.000				25.000
58	25.000		25.000				25.000
59	25.000		25.000				25.000
60	25.000		25.000				25.000
61	25.000		25.000				25.000
62	25.000		25.000				25.000
63	25.000		25.000				25.000

Phí bảo hiểm thay đổi hàng năm của tất cả những Người được bảo hiểm tham gia của từng Sản phẩm bán kèm
BH Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7 (bao gồm Quyền lợi Nội trú, Ngoại trú và Chăm sóc răng (nếu có))

Kế hoạch đóng phí dự kiến hàng năm							Phí bảo hiểm thay đổi hàng năm của tất cả những Người được bảo hiểm tham gia của từng Sản phẩm bán kèm
Năm hợp đồng	Sản phẩm chính		Tổng Phí bảo hiểm của Sản phẩm chính (a)	Phí bảo hiểm của (các) Sản phẩm bán kèm Các sản phẩm này sẽ chấm dứt hiệu lực nếu không được đóng phí đầy đủ và đúng hạn trong suốt Thời hạn bảo hiểm, hoặc khi Sản phẩm chính bị chấm dứt hiệu lực.			Tổng Phí bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm (c) = (a) + (b)
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm		BH Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7	(Các) Sản phẩm bán kèm khác	Tổng Phí bảo hiểm (b)	
64	25.000		25.000				25.000
65	25.000		25.000				25.000
66	25.000		25.000				25.000
							BH Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7 (bao gồm Quyền lợi Nội trú, Ngoại trú và Chăm sóc răng (nếu có))

Ghi chú: Phí bảo hiểm của (các) Sản phẩm bán kèm sẽ không phân bổ vào Giá trị Tài khoản hợp đồng.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LÒI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ.

THÔNG TIN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM CHĂM SÓC SỨC KHỎE TOÀN CẦU 24/7



- Mức phí hợp lý, bảo vệ toàn cầu với 5 lựa chọn về Chương trình bảo hiểm.
- Chi trả lên đến 2 tỷ đồng cho mỗi Bệnh/Thương tật.
- Chi trả chi phí Điều trị ung thư bao gồm cả liệu pháp miễn dịch và trúng đích.
- Chi trả chi phí Tiền phòng và Tiền phòng Chăm sóc đặc biệt lên đến 100 ngày/năm cho mỗi Bệnh/Thương tật.

Bảo vệ sức khỏe cho bạn và gia đình trên toàn thế giới

SCAN QR CODE ĐỂ THAM KHẢO THÔNG TIN



Trang thông tin sản phẩm (bao gồm Quy tắc và Điều khoản sản phẩm)



Danh sách cơ sở y tế bảo lãnh viện phí tại Việt Nam và nước ngoài

THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM

HỌ VÀ TÊN	TUỔI THAM GIA BẢO HIỂM	CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM	THỜI HẠN BẢO HIỂM	PHÍ BẢO HIỂM
NGUYỄN THỊ B	34	Quyền lợi Điều trị nội trú Thịnh Vượng	Gia hạn hàng năm đến hết thời hạn Hợp đồng bảo hiểm, tối đa đến 75 tuổi	6.110.000 đồng

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ.

HỌ VÀ TÊN	TUỔI THAM GIA BẢO HIỂM	CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM	THỜI HẠN BẢO HIỂM	PHÍ BẢO HIỂM
NGUYỄN VĂN A	35	Quyền lợi Điều trị nội trú Thịnh Vượng	Gia hạn hàng năm đến hết thời hạn Hợp đồng bảo hiểm, tối đa đến 75 tuổi	6.110.000 đồng
		Quyền lợi Điều trị ngoại trú Cao Cấp	Gia hạn hàng năm đến hết thời hạn Hợp đồng bảo hiểm, tối đa đến 65 tuổi	3.593.000 đồng
		Quyền lợi Chăm sóc răng Cao Cấp	Gia hạn hàng năm đến hết thời hạn Hợp đồng bảo hiểm, tối đa đến 65 tuổi	2.354.000 đồng
Tổng phí bảo hiểm của tất cả các sản phẩm BH Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7 trong Hợp đồng bảo hiểm:				18.167.000 đồng

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ.**

BẢNG QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM CHĂM SÓC SỨC KHỎE TOÀN CẦU 24/7

Chi trả chi phí y tế của NĐBH. Chi tiết quyền lợi bảo hiểm tương ứng theo Chương trình bảo hiểm.

Đơn vị tính: đồng

CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM	CƠ BẢN	PHỔ THÔNG	ĐẶC BIỆT	CAO CẤP	THỊNH VƯỢNG
Quyền lợi tối đa một Bệnh/Thương tật (áp dụng cho Quyền lợi Điều trị nội trú và Quyền lợi Điều trị ngoại trú)	150.000.000	300.000.000	600.000.000	1.000.000.000	2.000.000.000
	trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này				
A. QUYỀN LỢI ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ	MỨC GIỚI HẠN PHỤ				
	CƠ BẢN	PHỔ THÔNG	ĐẶC BIỆT	CAO CẤP	THỊNH VƯỢNG
Phạm vi địa lý	Toàn cầu				
Đồng chi trả	30% hoặc 20% hoặc 0% được ghi trên Chứng nhận bảo hiểm.				
1. ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ					
1.1. Chi phí Phẫu thuật nội trú					
a. Mỗi cuộc Phẫu thuật cho mỗi Bệnh/Thương tật	12.500.000	25.000.000	50.000.000	75.000.000	125.000.000
b. Mỗi Năm hợp đồng cho mỗi Bệnh/Thương tật	25.000.000	50.000.000	100.000.000	150.000.000	250.000.000
1.2. Tiền phòng/Ngày nằm viện	750.000	1.500.000	2.500.000	3.000.000	6.000.000
	Tối đa 100 Ngày nằm viện/Năm hợp đồng cho mỗi Bệnh/Thương tật.				
1.3. Tiền phòng Chăm sóc đặc biệt (ICU)/Ngày nằm viện	1.050.000	2.100.000	3.150.000	5.250.000	Chi phí y tế thực tế
	Tối đa 100 Ngày nằm viện/Năm hợp đồng cho mỗi Bệnh/Thương tật.				
1.4. Tiền giường cho người thân/Ngày nằm viện (khi chăm sóc Người được bảo hiểm dưới 18 tuổi)	250.000	500.000	750.000	1.000.000	1.250.000
	Tối đa 10 Ngày nằm viện/Năm hợp đồng cho mỗi Bệnh/Thương tật.				
1.5. Chi phí Điều dưỡng tại nhà/ngày	125.000	250.000	350.000	500.000	750.000
	Tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng cho mỗi Bệnh/Thương tật.				
1.6. Chi phí Vật lý trị liệu/Năm hợp đồng	1.000.000	2.000.000	4.000.000	6.000.000	10.000.000

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ.

A. QUYỀN LỢI ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ	MỨC GIỚI HẠN PHỤ				
	CƠ BẢN	PHỔ THÔNG	ĐẶC BIỆT	CAO CẤP	THỊNH VƯỢNG
1.7. Chi phí Điều trị nội trú khác/Năm hợp đồng cho mỗi Bệnh/Thương tật	10.000.000	20.000.000	40.000.000	60.000.000	100.000.000
2. ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ, ĐIỀU TRỊ TRONG NGÀY VÀ ĐIỀU TRỊ CẤP CỨU					
2.1. Phẫu thuật ngoại trú/Phẫu thuật trong ngày/Năm hợp đồng cho mỗi Bệnh/Thương tật	2.500.000	5.000.000	10.000.000	15.000.000	25.000.000
2.2. Chạy thận nhân tạo/Năm hợp đồng	Không áp dụng	5.000.000	10.000.000	15.000.000	25.000.000
2.3. Cấp cứu do Tai nạn/Năm hợp đồng cho mỗi Thương tật	1.050.000	2.100.000	5.250.000	10.500.000	15.000.000
2.4. Tổn thương răng do Tai nạn/Năm hợp đồng cho mỗi Thương tật	1.500.000	3.000.000	5.000.000	7.500.000	10.000.000
2.5. Chi phí xe cấp cứu/Năm hợp đồng cho mỗi Bệnh/Thương tật	1.500.000	3.000.000	5.000.000	Chi phí y tế thực tế	
3. ĐIỀU TRỊ ĐẶC BIỆT (bao gồm Điều trị nội trú, Điều trị ngoại trú, Điều trị trong ngày)					
3.1. Điều trị ung thư					
a. Chi phí điều trị hóa trị (tiêm và truyền) và xạ trị	Chi phí y tế thực tế				
b. Chi phí điều trị liệu pháp miễn dịch (tiêm và truyền) và trúng đích (tiêm và truyền)/Năm hợp đồng	10.000.000	20.000.000	40.000.000	60.000.000	100.000.000
c. Chi phí Điều trị nội trú	Theo Mức giới hạn phụ của mục 1. Điều trị nội trú				
3.2. Cấy ghép bộ phận cho Người được bảo hiểm (người nhận bộ phận) và người hiến bộ phận cho Người được bảo hiểm/cho mỗi bộ phận được cấy ghép, bao gồm: thận, tim, gan và tủy xương trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này	75.000.000	150.000.000	300.000.000	500.000.000	1.000.000.000
	Chi phí y tế của người hiến bộ phận cho Người được bảo hiểm không được vượt quá 50% giới hạn của quyền lợi này.				
3.3. Điều trị Tình trạng bẩm sinh/di truyền trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này	Không áp dụng	15.000.000	25.000.000	35.000.000	55.000.000
3.4. Điều trị Biến chứng thai sản/lần mang thai	Không áp dụng	15.000.000	25.000.000	35.000.000	55.000.000

QUYỀN LỢI LỰA CHỌN THÊM: (tùy theo lựa chọn của Bên mua bảo hiểm)

B. QUYỀN LỢI ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ	MỨC GIỚI HẠN PHỤ				
	CƠ BẢN	PHỔ THÔNG	ĐẶC BIỆT	CAO CẤP	THỊNH VƯỢNG
Phạm vi địa lý	Không áp dụng	Việt Nam			
Quyền lợi tối đa mỗi Năm hợp đồng		5.000.000	10.000.000	15.000.000	25.000.000
1. Chi phí Điều trị ngoại trú theo Y học hiện đại/Lần khám		1.000.000	2.000.000	4.000.000	6.500.000
2. Chi phí Điều trị ngoại trú theo Y học thay thế/Năm hợp đồng		1.500.000	2.500.000	4.000.000	6.500.000
C. QUYỀN LỢI CHĂM SÓC RĂNG	MỨC GIỚI HẠN PHỤ				
	CƠ BẢN	PHỔ THÔNG	ĐẶC BIỆT	CAO CẤP	THỊNH VƯỢNG
Phạm vi địa lý	Không áp dụng			Việt Nam	
Quyền lợi tối đa mỗi Năm hợp đồng				10.500.000	17.500.000
1. Chi phí cạo vôi răng/Năm hợp đồng				1.000.000	1.500.000
2. Chi phí Điều trị nha khoa khác (không bao gồm chi phí cầu răng, implant, răng giả tháo lắp, flipper, trám răng bằng vàng và kim loại quý)				Chi phí y tế thực tế	

Lưu ý: Thời gian chờ là thời gian mà bất kỳ sự kiện bảo hiểm nào của Quyền lợi Điều trị nội trú và/hoặc Quyền lợi Điều trị ngoại trú và/hoặc Quyền lợi Chăm sóc răng xảy ra do Bệnh sẽ không được chi trả (trừ trường hợp có thỏa thuận khác giữa Dai-ichi Life Việt Nam và Bên mua bảo hiểm). Thời gian chờ này được áp dụng như sau:

- (i) 30 (ba mươi) ngày tính từ ngày Dai-ichi Life Việt Nam chấp thuận bảo hiểm Quyền lợi Điều trị nội trú và/hoặc Quyền lợi Điều trị ngoại trú và/hoặc Quyền lợi Chăm sóc răng; hoặc 10 (mười) ngày tính từ ngày Dai-ichi Life Việt Nam chấp nhận khôi phục hiệu lực gần nhất của sản phẩm bảo hiểm này; tùy ngày nào xảy ra sau.
- (ii) 90 (chín mươi) ngày tính từ ngày bắt đầu Thời hạn bảo hiểm của Năm hợp đồng đầu tiên của sản phẩm bảo hiểm này cho những Bệnh đặc biệt.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ.

THÔNG TIN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐƠN VỊ AN PHÁT ĐẦU TƯ THỊNH VƯỢNG

HĐBH: Hợp đồng bảo hiểm	STBH: Số tiền bảo hiểm	NĐBH: Người được bảo hiểm	QLBH: Quyền lợi bảo hiểm
QUYỀN LỢI BẢO HIỂM RỦI RO	SỰ KIỆN BẢO HIỂM	QUYỀN LỢI	
QLBH Tử vong hoặc Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn (TTTBVV)	NĐBH chính tử vong; hoặc NĐBH chính bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn trước tuổi 71.	Nhận 1.375.000.000 đồng (STBH) (*) cộng với Giá trị Tài khoản hợp đồng. <i>(*) Nếu NĐBH chính tử vong hoặc bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn trước khi tròn 3 tuổi, STBH sẽ được điều chỉnh với tỷ lệ thấp hơn 100% theo quy định Điều 7.1.3 của Quy tắc và Điều khoản.</i>	
QLBH Tử vong do Tai nạn	NĐBH chính tử vong do Tai nạn trước khi đạt 71 tuổi; hoặc Người được song hành bảo vệ tử vong do Tai nạn trước khi Người được song hành bảo vệ và NĐBH chính đạt 71 tuổi. <i>Điều kiện: Chỉ chi trả 1 lần cho 1 trong 2 sự kiện bảo hiểm nêu trên.</i>	Nếu tử vong do Tai nạn: nhận 20% STBH, tối đa là 1 tỷ đồng. Nếu tử vong do Tai nạn đặc biệt: nhận 50% STBH, tối đa là 2,5 tỷ đồng.	
QLBH Chu toàn hậu sự	NĐBH chính tử vong sau 01 năm kể từ Ngày hiệu lực hợp đồng hoặc Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất và nguyên nhân tử vong không thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm.	Ứng trước 10% STBH và tối đa 30 triệu đồng/NĐBH chính cho tất cả HĐBH đang có hiệu lực và phát sinh QLBH Chu toàn hậu sự.	

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ.

QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ					
Quyền lợi Đáo hạn và Hưởng kết quả đầu tư từ Quỹ Liên kết đơn vị	Giá trị Tài khoản hợp đồng được hưởng kết quả đầu tư thực tế của (các) Quỹ Liên kết đơn vị được công bố tại các Ngày định giá theo định kỳ tối thiểu hàng tuần, cụ thể là ngày Thứ Năm.				
	Tỷ lệ đầu tư vào các Quỹ Khách hàng lựa chọn				
	Tỷ lệ Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm đóng thêm (nếu có) được phân bổ vào (các) Quỹ Liên kết đơn vị như sau:				
	Phí bảo hiểm/Tên Quỹ	Dẫn đầu	Tài chính năng động	Tăng trưởng	Cân bằng
	Phí bảo hiểm cơ bản	100%	0%	0%	0%
	Phí bảo hiểm đóng thêm	100%	0%	0%	0%
	Tại Ngày đáo hạn hợp đồng, nhận toàn bộ Giá trị Tài khoản hợp đồng sau khi trừ đi các Khoản nợ (nếu có).				
	<i>Điều kiện: Hợp đồng bảo hiểm vẫn còn hiệu lực đến hết ngày liền trước Ngày đáo hạn hợp đồng.</i>				
QUYỀN LỢI THƯỞNG	ĐIỀU KIỆN NHẬN QUYỀN LỢI			QUYỀN LỢI	
Quyền lợi Thưởng Gắn bó dài lâu	Trong thời gian HĐBH có hiệu lực, vào Ngày kỷ niệm Năm hợp đồng thứ 20. <i>Điều kiện: Đóng đầy đủ Phí bảo hiểm cơ bản các Năm hợp đồng trước đó của sản phẩm này và không rút tiền từ Giá trị Tài khoản hợp đồng trong 240 tháng liền kề trước Ngày kỷ niệm năm hợp đồng xét thưởng.</i>			Nhận 20% Giá trị Tài khoản hợp đồng trung bình của 240 tháng liền kề trước Ngày kỷ niệm năm hợp đồng xét thưởng.	
Quyền lợi Thưởng Đồng hành	Trong thời gian HĐBH có hiệu lực, vào Ngày kỷ niệm Năm hợp đồng thứ 11 và mỗi Ngày kỷ niệm năm hợp đồng sau đó. <i>Điều kiện: Đóng đầy đủ Phí bảo hiểm cơ bản các Năm hợp đồng trước đó của sản phẩm này và không rút tiền từ Giá trị Tài khoản hợp đồng trong 12 tháng liền kề trước Ngày kỷ niệm năm hợp đồng xét thưởng.</i>			Nhận 2% Phí bảo hiểm cơ bản thực đóng của Năm hợp đồng xét thưởng của sản phẩm này.	

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ.

THÔNG TIN ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ BẢO HIỂM

Dai-ichi Life Việt Nam sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm nếu sự kiện bảo hiểm thuộc một trong các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm. Khách hàng vui lòng tham khảo Điều khoản loại trừ tại Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm tương ứng như sau:

SẢN PHẨM	THÔNG TIN QUY TẮC VÀ ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ BẢO HIỂM
BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐƠN VỊ AN PHÁT ĐẦU TƯ THỊNH VƯỢNG	Quy tắc và Điều khoản được ban hành theo Quyết định số 558/GD/Dai-ichi/2025 ngày 10/07/2025 của Tổng Giám đốc Dai-ichi Life Việt Nam.	Điều 8
BẢO HIỂM CHĂM SÓC SỨC KHỎE TOÀN CẦU 24/7	Quy tắc và Điều khoản được ban hành theo Quyết định số 373/GD/Dai-ichi/2025 ngày 30/05/2025 của Tổng Giám đốc Dai-ichi Life Việt Nam.	Điều 2

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ.

CÁC KHOẢN PHÍ TÍNH CHO KHÁCH HÀNG

Phí bảo hiểm cơ bản	Là số tiền mà Bên mua bảo hiểm phải đóng đủ cho sản phẩm An Phát Đầu Tư Thịnh Vượng cho mỗi Năm hợp đồng và được thể hiện trong Chứng nhận bảo hiểm và/hoặc (các) tài liệu sửa đổi/bổ sung gần nhất.															
Phí bảo hiểm đóng thêm	Là khoản tiền được đóng thêm ngoài Phí bảo hiểm định kỳ tính đến hết Năm hợp đồng hiện hành. Trong mỗi Năm hợp đồng, tổng Phí bảo hiểm đóng thêm không được vượt 5 lần Phí bảo hiểm cơ bản.															
Phí bảo hiểm của Sản phẩm bán kèm	Là khoản phí đóng cho (các) Sản phẩm bán kèm và được ghi trong Chứng nhận bảo hiểm hoặc (các) thỏa thuận sửa đổi bổ sung khác (nếu có).															
Phí ban đầu	Là khoản phí được khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm đóng thêm trước khi phân bổ vào Giá trị Tài khoản hợp đồng. Với tỷ lệ sau:															
	Năm phí bảo hiểm			1		2		3 - 5		6 - 10		Từ năm thứ 11 trở đi				
	% Phí bảo hiểm cơ bản (Sản phẩm chính)			50%		30%		20%		2%		0%				
	% Phí bảo hiểm đóng thêm			1,5%									0%			
Phí rủi ro	Là khoản phí khấu trừ hàng tháng để đảm bảo chi trả quyền lợi bảo hiểm rủi ro của Sản phẩm chính. Phí rủi ro được trình bày trong Tài liệu minh họa bán hàng này chưa bao gồm phần phí tăng vì tình trạng sức khỏe của NĐBH chính (nếu có).															
Phí quản lý hợp đồng	Là khoản phí khấu trừ hàng tháng liên quan đến việc quản lý, duy trì Hợp đồng bảo hiểm. Phí quản lý hợp đồng hàng tháng được xác định theo năm dương lịch tại thời điểm khấu trừ theo bảng sau:															
	Năm dương lịch		2025	2026	2027	2028	2029	2030	2031	2032	2033	2034	2035	2036	2037	Từ 2038 trở đi
	Phí quản lý hợp đồng (nghìn đồng/tháng)		45,0	47,0	49,0	51,0	53,0	55,0	57,0	59,0	61,0	63,0	65,0	67,0	69,0	70,0
Phí quản lý quỹ	Là khoản tiền được dùng để chi trả cho các hoạt động quản lý Quỹ Liên kết đơn vị. Khoản phí này sẽ được khấu trừ trước khi xác định giá trị tài sản thuần của mỗi Quỹ vào mỗi Ngày định giá. Phí quản lý quỹ của các Quỹ như dưới đây:															
	Quỹ Liên kết đơn vị			Dẫn đầu		Tài chính năng động			Tăng trưởng		Cân bằng		Bảo toàn			
	Phí quản lý quỹ tối đa mỗi năm			2%		2%			2%		1,5%		0,5%			
Phí chuyển đổi quỹ	Trong mỗi Năm hợp đồng, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ miễn Phí chuyển đổi quỹ cho 4 lần chuyển đổi, kể từ lần chuyển đổi quỹ thứ 5 trở đi, Phí chuyển đổi Quỹ là 50.000 đồng/lần.															

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ.

Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn	Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn = Tỷ lệ phí * giá trị trung bình của Phí bảo hiểm cơ bản quy năm của 12 tháng liền kề trước đó, cụ thể như sau:						
	Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	Từ Năm thứ 6 trở đi
	Tỷ lệ phí	100%	100%	50%	30%	20%	0%

Ghi chú: Các loại Phí trong Hợp đồng bảo hiểm này có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận.

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LÒI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ.**

HOẠT ĐỘNG CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

1. Thông tin về các Quỹ Liên kết đơn vị

Các Quỹ Liên kết đơn vị và mục tiêu đầu tư	Lĩnh vực đầu tư	Tỷ suất đầu tư		Mức độ tăng trưởng và rủi ro
		Mức tối thiểu	Mức tối đa	
Quỹ Dẫn đầu: mang lại các cơ hội đầu tư với sự tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn cho các nhà đầu tư.	30 cổ phiếu hàng đầu có vốn hóa lớn nhất và thanh khoản cao nhất đang được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam.	80%	100%	Cao
	Trái phiếu chính phủ, tiền gửi các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập cố định khác.	0%	20%	
Quỹ Tài chính năng động: mang lại các cơ hội đầu tư với sự tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn cho các nhà đầu tư.	Cổ phiếu thuộc lĩnh vực dịch vụ tài chính và ngân hàng.	80%	100%	Cao
	Trái phiếu chính phủ, tiền gửi các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập cố định khác.	0%	20%	
Quỹ Tăng trưởng: mang lại các cơ hội đầu tư với sự tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn cho các nhà đầu tư.	Cổ phiếu và các hình thức đầu tư liên quan đến cổ phiếu.	80%	100%	Cao
	Trái phiếu chính phủ, tiền gửi các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập cố định khác.	0%	20%	
Quỹ Cân bằng: mang lại các cơ hội đầu tư với sự phối hợp cân bằng giữa thu nhập ổn định và sự tăng trưởng từ trung đến dài hạn cho các nhà đầu tư.	Cổ phiếu và các hình thức đầu tư liên quan đến cổ phiếu.	0%	50%	Từ trung bình đến cao
	Trái phiếu chính phủ, tiền gửi các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập cố định khác.	50%	100%	
Quỹ Bảo toàn: mang lại các cơ hội đầu tư với sự tăng trưởng ổn định trong trung và dài hạn cho các nhà đầu tư.	Trái phiếu chính phủ, tiền gửi các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập cố định khác.	100%		Trung bình

2. Các Quỹ của Sản phẩm bảo hiểm Liên kết đơn vị An Phát Đầu Tư Thịnh Vượng được quản lý bởi các chuyên gia tài chính giàu kinh nghiệm của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (DFVN). Việc quản lý tài sản của các Quỹ Liên kết đơn vị được giám sát độc lập bởi Ngân hàng HSBC Việt Nam theo quy định.
3. Tài sản của các Quỹ Liên kết đơn vị sẽ được chia nhỏ thành nhiều phần bằng nhau gọi là Đơn vị quỹ.
4. Giá trị Tài khoản hợp đồng được tính theo Giá đơn vị quỹ tại từng thời điểm. Giá trị các Đơn vị quỹ phụ thuộc vào sự thay đổi Giá đơn vị quỹ và các chi phí.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ.

5. Giá đơn vị quỹ của mỗi Quỹ đầu tư được xác định bằng cách lấy giá trị tài sản ròng của Quỹ Liên kết đơn vị chia cho số Đơn vị quỹ của Quỹ đó và có thể tăng hoặc giảm.
- Kỳ định giá tối thiểu là một lần mỗi tuần, cụ thể là ngày Thứ Năm hàng tuần (*). Trường hợp Thứ Năm là ngày nghỉ, ngày lễ, Ngày định giá sẽ là ngày làm việc tiếp theo. Giá đơn vị quỹ sẽ được công bố trên website www.dai-ichi-life.com.vn.
- (*) *Dai-ichi Life Việt Nam sẽ thông báo đến Khách hàng nếu có thay đổi Ngày định giá.*
6. Những thay đổi về Giá đơn vị quỹ phản ánh tình hình đầu tư của Quỹ tương ứng. Kết quả hoạt động của Quỹ Liên kết đơn vị có thể cho kết quả (lỗ/ lời) và **KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM**. Khách hàng lựa chọn Quỹ Liên kết đơn vị để đầu tư tùy theo nhu cầu và khả năng chấp nhận rủi ro của mình.
7. Dai-ichi Life Việt Nam được phép sử dụng các biện pháp dưới đây để bảo vệ và gia tăng quyền lợi bảo hiểm của Khách hàng:
- Đóng Quỹ Liên kết đơn vị để chuyển đổi các tài sản sang một Quỹ Liên kết đơn vị mới có cùng mục tiêu đầu tư;
 - Thay đổi tên của Quỹ Liên kết đơn vị;
 - Chia tách hoặc sáp nhập các Đơn vị quỹ hiện có;
 - Ngừng định giá Quỹ Liên kết đơn vị và các giao dịch có liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm trong trường hợp sở/trung tâm giao dịch chứng khoán mà Quỹ Liên kết đơn vị đang đầu tư vào bị tạm thời đình chỉ giao dịch;
 - Các biện pháp khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.
8. Đối với các biện pháp (a), (b), (c), (e) tại Mục 7: Dai-ichi Life Việt Nam sẽ thông báo cho Bên mua bảo hiểm bằng văn bản 3 ngày trước khi áp dụng.
9. Số dư Đơn vị quỹ của Quỹ sẽ tăng/giảm Đơn vị quỹ từ các nghiệp vụ mua mới hoặc bán các Đơn vị quỹ như sau:
- Các trường hợp liên quan đến việc mua mới các Đơn vị quỹ: Nộp Phí bảo hiểm; Nhận khoản Thưởng duy trì hợp đồng; Chuyển Đơn vị quỹ từ Quỹ này sang Quỹ khác.
 - Các trường hợp liên quan đến việc bán các Đơn vị quỹ: Chuyển Đơn vị quỹ từ Quỹ này sang Quỹ khác; Trả Phí bảo hiểm rủi ro, Phí quản lý hợp đồng, các loại phí khác có liên quan đến Quỹ và các Khoản nợ; Thanh toán quyền lợi bảo hiểm; Rút một phần hoặc toàn bộ Giá trị Tài khoản hợp đồng.
10. Trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm đang còn hiệu lực, Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu chuyển một phần hoặc toàn bộ giá trị các Đơn vị quỹ từ Quỹ Liên kết đơn vị này sang (các) Quỹ Liên kết đơn vị khác theo quy định của Dai-ichi Life Việt Nam tại từng thời điểm; nếu đáp ứng các điều kiện được quy định trong Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm.

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỖ/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ.**

11. Tỷ suất đầu tư thực tế hàng năm của các Quỹ Liên kết đơn vị

Năm	Quỹ Dẫn đầu	Quỹ Tài chính năng động	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Cân bằng	Quỹ Bảo toàn
2020	Thành lập tháng 04/2022		19,60%	Thành lập tháng 07/2025	6,16%
2021			31,02%		4,70%
2022	-27,17% (*)	-26,13% (*)	-24,62%		4,74%
2023	11,94%	27,22%	11,77%		6,91%
2024	19,18%	18,88%	14,33%		4,65%
Tỷ suất đầu tư quy năm trong 5 năm (2020-2024)	-1,07% (**)	4,22% (**)	8,57%		5,42%
Tỷ suất đầu tư tích lũy trong 5 năm (2020-2024)	-2,84% (**)	11,72% (**)	50,94%		30,24%

(*) Từ 27/04/2022 đến 31/12/2022

(**) Từ 27/04/2022 đến 31/12/2024

Ghi chú: Việc liệt kê các tỷ suất đầu tư không tính đến các khoản phí khác có thể sẽ được tính thêm cho Bên mua bảo hiểm được thể hiện tại Phần tóm tắt các loại chi phí và theo quy định pháp luật.

Vui lòng tham khảo thêm Quy tắc và Điều khoản sản phẩm để có thông tin đầy đủ về các điều khoản và điều kiện liên quan đến các quyền lợi nêu trên.

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ.**

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

Các bảng minh họa dưới đây được trình bày theo các trường hợp sau:

- Trường hợp 1:** Khách hàng đóng Phí bảo hiểm dự kiến (bao gồm cả Phí bảo hiểm đóng thêm, nếu có) trong thời hạn đóng phí dự kiến.
 - Trường hợp 2:** Khách hàng đóng Phí bảo hiểm dự kiến (bao gồm cả Phí bảo hiểm đóng thêm, nếu có) chỉ trong thời hạn đóng phí bắt buộc (4 năm đầu).
- Cơ chế hoạt động:** Phí bảo hiểm của Sản phẩm chính được Khách hàng đóng sau khi bị trừ đi Phí ban đầu, sẽ được đem đi phân bổ vào Giá trị Tài khoản hợp đồng và được đem đi đầu tư (Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư). Phí quản lý hợp đồng và Phí rủi ro sẽ được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị Tài khoản hợp đồng.

Tỷ suất đầu tư dự kiến	Quỹ Dẫn đầu		Quỹ Tài chính năng động		Quỹ Tăng trưởng		Quỹ Cân bằng		Quỹ Bảo toàn	
	Thấp	Cao	Thấp	Cao	Thấp	Cao	Thấp	Cao	Thấp	Cao
	0,5%	9,0%	0,5%	9,0%	0,5%	9,0%	3,0%	7,0%	3,5%	6,5%

Tỷ suất đầu tư dự kiến các Quỹ Liên kết đơn vị chỉ mang tính tham khảo, sẽ có thể tăng hoặc giảm phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ Liên kết đơn vị và không có ý nghĩa là mức tỷ suất này được đảm bảo cho Khách hàng trong tương lai.

TRƯỜNG HỢP 1: ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM DỰ KIẾN TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

1.1: MINH HỌA CÁC KHOẢN PHÍ TÍNH CHO KHÁCH HÀNG Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng Tuổi NDBH chính	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí rủi ro	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí bảo hiểm	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		Tại tỷ suất đầu tư cao	Tại tỷ suất đầu tư thấp
1 34	25.000		25.000	12.500		12.500	12.500		12.500	554	1.771	1.771
2 35	25.000		25.000	7.500		7.500	17.500		17.500	578	1.870	1.870
3 36	25.000		25.000	5.000		5.000	20.000		20.000	602	2.002	2.002
4 37	25.000		25.000	5.000		5.000	20.000		20.000	626	2.156	2.156
5 38	25.000		25.000	5.000		5.000	20.000		20.000	650	2.344	2.344

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ.

TRƯỜNG HỢP 1: ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM DỰ KIẾN TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

1.1: MINH HỌA CÁC KHOẢN PHÍ TÍNH CHO KHÁCH HÀNG Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng Tuổi NDBH chính	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí rủi ro	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí bảo hiểm	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		Tại tỷ suất đầu tư cao	Tại tỷ suất đầu tư thấp
6 39	25.000		25.000	500		500	24.500		24.500	674	2.552	2.552
7 40	25.000		25.000	500		500	24.500		24.500	698	2.783	2.783
8 41	25.000		25.000	500		500	24.500		24.500	722	3.025	3.025
9 42	25.000		25.000	500		500	24.500		24.500	746	3.278	3.278
10 43	25.000		25.000	500		500	24.500		24.500	770	3.520	3.520
11 44	25.000		25.000				25.000		25.000	794	3.784	3.784
12 45	25.000		25.000				25.000		25.000	818	4.048	4.048
13 46	25.000		25.000				25.000		25.000	835	4.312	4.312
14 47	25.000		25.000				25.000		25.000	840	4.609	4.609
15 48	25.000		25.000				25.000		25.000	840	4.928	4.928
16 49	25.000		25.000				25.000		25.000	840	5.269	5.269
17 50	25.000		25.000				25.000		25.000	840	5.644	5.644
18 51	25.000		25.000				25.000		25.000	840	6.050	6.050
19 52	25.000		25.000				25.000		25.000	840	6.512	6.512

TRƯỜNG HỢP 1: ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM DỰ KIẾN TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

1.1: MINH HỌA CÁC KHOẢN PHÍ TÍNH CHO KHÁCH HÀNG Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng Tuổi NDBH chính	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí rủi ro	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí bảo hiểm	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		Tại tỷ suất đầu tư cao	Tại tỷ suất đầu tư thấp
20 53	25.000		25.000				25.000		25.000	840	7.018	7.018

Theo quy định của Bộ Tài chính, “Minh họa phân bổ phí và quyền lợi bảo hiểm của Sản phẩm chính” chỉ được trình bày trong 20 năm đầu tiên. Nếu HĐBH vẫn được BMBH duy trì hiệu lực sau đó, thì các quyền lợi bảo hiểm vẫn được đảm bảo đầy đủ, và các Quỹ sẽ tiếp tục được đầu tư.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ.

TRƯỜNG HỢP 1: ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM DỰ KIẾN TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

1.2: MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM Đơn vị tính: nghìn đồng

a. Minh họa quyền lợi ở mức tỷ suất đầu tư cao

Năm HĐ Tuổi của NĐBH chính	Tổng phí bảo hiểm	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi bảo hiểm Tử vong/ TTTBVV	MINH HỌA QUYỀN LỢI Ở MỨC TỶ SUẤT ĐẦU TƯ CAO (KHÔNG ĐẢM BẢO)												Tổng Giá trị Tài khoản hợp đồng (A)+(B)	Khoản tiền rút ra (*)
				Quyền lợi đầu tư (A)					Thưởng Gắn bó dài lâu + Đồng hành (B)								
				Quỹ Dẫn đầu	Quỹ Tài chính năng động	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Cân bằng	Quỹ Bảo toàn	Quỹ Dẫn đầu	Quỹ Tài chính năng động	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Cân bằng	Quỹ Bảo toàn				
1 34	25.000	12.500	1.386.188	11.188											11.188		
2 35	25.000	17.500	1.403.705	28.705											28.705		
3 36	25.000	20.000	1.425.360	50.360											50.360		
4 37	25.000	20.000	1.448.776	73.776											73.776		
5 38	25.000	20.000	1.474.079	99.079											99.079		
6 39	25.000	24.500	1.506.319	131.319											131.319		
7 40	25.000	24.500	1.541.195	166.195											166.195		
8 41	25.000	24.500	1.578.931	203.931											203.931		
9 42	25.000	24.500	1.619.772	244.772											244.772		
10 43	25.000	24.500	1.664.011	289.011											289.011		
11 44	25.000	25.000	1.712.974	337.474						500					337.974		
12 45	25.000	25.000	1.766.042	390.542						500					391.042		
13 46	25.000	25.000	1.823.592	448.092						500					448.592		
14 47	25.000	25.000	1.886.004	510.504						500					511.004		
15 48	25.000	25.000	1.953.698	578.198						500					578.698		

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ.

TRƯỜNG HỢP 1: ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM DỰ KIẾN TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

1.2: MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM Đơn vị tính: nghìn đồng

a. Minh họa quyền lợi ở mức tỷ suất đầu tư cao

Năm HĐ Tuổi của NĐBH chính	Tổng phí bảo hiểm	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi bảo hiểm Tử vong/ TTTBVV	MINH HỌA QUYỀN LỢI Ở MỨC TỶ SUẤT ĐẦU TƯ CAO (KHÔNG ĐẢM BẢO)											
				Quyền lợi đầu tư (A)					Thưởng Gắn bó dài lâu + Đồng hành (B)					Tổng Giá trị Tài khoản hợp đồng (A)+(B)	Khoản tiền rút ra (*)
				Quỹ Dẫn đầu	Quỹ Tài chính năng động	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Cân bằng	Quỹ Bảo toàn	Quỹ Dẫn đầu	Quỹ Tài chính năng động	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Cân bằng	Quỹ Bảo toàn		
16 49	25.000	25.000	2.027.128	651.628					500					652.128	
17 50	25.000	25.000	2.106.774	731.274					500					731.774	
18 51	25.000	25.000	2.193.162	817.662					500					818.162	
19 52	25.000	25.000	2.286.840	911.340					500					911.840	
20 53	25.000	25.000	2.462.759	1.012.920					74.839					1.087.759	

Theo quy định của Bộ Tài chính, “Minh họa phân bổ phí và quyền lợi bảo hiểm của Sản phẩm chính” chỉ được trình bày trong 20 năm đầu tiên. Nếu HĐBH vẫn được BMBH duy trì hiệu lực sau đó, thì các quyền lợi bảo hiểm vẫn được đảm bảo đầy đủ, và các Quỹ sẽ tiếp tục được đầu tư.

(*) Số tiền thể hiện ở cột "Khoản tiền rút ra" là số tiền được giả định là Khách hàng rút ra từ Giá trị Tài khoản hợp đồng và sẽ được khấu trừ vào Giá trị Tài khoản hợp đồng.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ.

TRƯỜNG HỢP 1: ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM DỰ KIẾN TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

1.2: MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM Đơn vị tính: nghìn đồng

b. Minh họa quyền lợi ở mức tỷ suất đầu tư thấp

Năm HĐ Tuổi của NĐBH chính	Tổng phí bảo hiểm	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi bảo hiểm Tử vong/ TTTBVV	MINH HỌA QUYỀN LỢI Ở MỨC TỶ SUẤT ĐẦU TƯ THẤP (KHÔNG ĐẢM BẢO)												Tổng Giá trị Tài khoản hợp đồng (A)+(B)	Khoản tiền rút ra (*)
				Quyền lợi đầu tư (A)					Thưởng Gắn bó dài lâu + Đồng hành (B)								
				Quỹ Dẫn đầu	Quỹ Tài chính năng động	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Cân bằng	Quỹ Bảo toàn	Quỹ Dẫn đầu	Quỹ Tài chính năng động	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Cân bằng	Quỹ Bảo toàn				
1 34	25.000	12.500	1.385.231	10.231											10.231		
2 35	25.000	17.500	1.400.415	25.415											25.415		
3 36	25.000	20.000	1.418.032	43.032											43.032		
4 37	25.000	20.000	1.435.557	60.557											60.557		
5 38	25.000	20.000	1.452.958	77.958											77.958		
6 39	25.000	24.500	1.474.735	99.735											99.735		
7 40	25.000	24.500	1.496.366	121.366											121.366		
8 41	25.000	24.500	1.517.838	142.838											142.838		
9 42	25.000	24.500	1.539.139	164.139											164.139		
10 43	25.000	24.500	1.560.281	185.281											185.281		
11 44	25.000	25.000	1.582.243	206.743						500					207.243		
12 45	25.000	25.000	1.604.025	228.525						500					229.025		
13 46	25.000	25.000	1.625.635	250.135						500					250.635		
14 47	25.000	25.000	1.647.049	271.549						500					272.049		
15 48	25.000	25.000	1.668.250	292.750						500					293.250		

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ.

TRƯỜNG HỢP 1: ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM DỰ KIẾN TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

1.2: MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM Đơn vị tính: nghìn đồng

b. Minh họa quyền lợi ở mức tỷ suất đầu tư thấp

Năm HĐ Tuổi của NĐBH chính	Tổng phí bảo hiểm	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi bảo hiểm Tử vong/ TTTBVV	MINH HỌA QUYỀN LỢI Ở MỨC TỶ SUẤT ĐẦU TƯ THẤP (KHÔNG ĐẢM BẢO)											
				Quyền lợi đầu tư (A)					Thưởng Gắn bó dài lâu + Đồng hành (B)					Tổng Giá trị Tài khoản hợp đồng (A)+(B)	Khoản tiền rút ra (*)
				Quỹ Dẫn đầu	Quỹ Tài chính năng động	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Cân bằng	Quỹ Bảo toàn	Quỹ Dẫn đầu	Quỹ Tài chính năng động	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Cân bằng	Quỹ Bảo toàn		
16 49	25.000	25.000	1.689.216	313.716					500					314.216	
17 50	25.000	25.000	1.709.911	334.411					500					334.911	
18 51	25.000	25.000	1.730.301	354.801					500					355.301	
19 52	25.000	25.000	1.750.330	374.830					500					375.330	
20 53	25.000	25.000	1.809.811	394.453					40.358					434.811	

Theo quy định của Bộ Tài chính, “Minh họa phân bổ phí và quyền lợi bảo hiểm của Sản phẩm chính” chỉ được trình bày trong 20 năm đầu tiên. Nếu HĐBH vẫn được BMBH duy trì hiệu lực sau đó, thì các quyền lợi bảo hiểm vẫn được đảm bảo đầy đủ, và các Quỹ sẽ tiếp tục được đầu tư.

(*) Số tiền thể hiện ở cột "Khoản tiền rút ra" là số tiền được giả định là Khách hàng rút ra từ Giá trị Tài khoản hợp đồng và sẽ được khấu trừ vào Giá trị Tài khoản hợp đồng.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ.

TRƯỜNG HỢP 2: ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM DỰ KIẾN TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC

2.1: MINH HỌA CÁC KHOẢN PHÍ TÍNH CHO KHÁCH HÀNG Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng Tuổi NDBH chính	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí rủi ro	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí bảo hiểm	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		Tại tỷ suất đầu tư cao	Tại tỷ suất đầu tư thấp
1 34	25.000		25.000	12.500		12.500	12.500		12.500	554	1.771	1.771
2 35	25.000		25.000	7.500		7.500	17.500		17.500	578	1.870	1.870
3 36	25.000		25.000	5.000		5.000	20.000		20.000	602	2.002	2.002
4 37	25.000		25.000	5.000		5.000	20.000		20.000	626	2.156	2.156
5 38										650	2.344	2.344
6 39										674	2.552	2.552
7 40										698	2.783	2.783
8 41										722	3.025	3.025
9 42										746	3.278	3.278
10 43										770	3.520	3.520
11 44										794	3.784	3.784
12 45										818	4.048	4.048
13 46										835	4.312	4.312
14 47										840	4.609	4.609
15 48										840	4.928	4.928
16 49										840	5.269	5.269

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ.

TRƯỜNG HỢP 2: ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM DỰ KIẾN TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC

2.1: MINH HỌA CÁC KHOẢN PHÍ TÍNH CHO KHÁCH HÀNG Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng Tuổi NDBH chính	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí rủi ro	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí bảo hiểm	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		Tại tỷ suất đầu tư cao	Tại tỷ suất đầu tư thấp
17 50										840	5.644	5.644
18 51										840	6.050	(*)
19 52										840	6.512	
20 53										840	7.018	

Theo quy định của Bộ Tài chính, “Minh họa phân bổ phí và quyền lợi bảo hiểm của Sản phẩm chính” chỉ được trình bày trong 20 năm đầu tiên. Nếu HĐBH vẫn được BMBH duy trì hiệu lực sau đó, thì các quyền lợi bảo hiểm vẫn được đảm bảo đầy đủ, và các Quỹ sẽ tiếp tục được đầu tư.

(*) Hợp đồng mất hiệu lực do Giá trị Tài khoản hợp đồng không đủ để khấu trừ các chi phí hàng tháng.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ.

TRƯỜNG HỢP 2: ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM DỰ KIẾN TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC

2.2: MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM Đơn vị tính: nghìn đồng

a. Minh họa quyền lợi ở mức tỷ suất đầu tư cao

Năm HĐ Tuổi của NĐBH chính	Tổng phí bảo hiểm	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi bảo hiểm Tử vong/ TTTBVV	MINH HỌA QUYỀN LỢI Ở MỨC TỶ SUẤT ĐẦU TƯ CAO (KHÔNG ĐẢM BẢO)												Tổng Giá trị Tài khoản hợp đồng (A)+(B)	Khoản tiền rút ra (*)
				Quyền lợi đầu tư (A)					Thưởng Gắn bó dài lâu + Đồng hành (B)								
				Quỹ Dẫn đầu	Quỹ Tài chính năng động	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Cân bằng	Quỹ Bảo toàn	Quỹ Dẫn đầu	Quỹ Tài chính năng động	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Cân bằng	Quỹ Bảo toàn				
1 34	25.000	12.500	1.386.188	11.188											11.188		
2 35	25.000	17.500	1.403.705	28.705											28.705		
3 36	25.000	20.000	1.425.360	50.360											50.360		
4 37	25.000	20.000	1.448.776	73.776											73.776		
5 38			1.452.279	77.279											77.279		
6 39			1.455.852	80.852											80.852		
7 40			1.459.481	84.481											84.481		
8 41			1.463.157	88.157											88.157		
9 42			1.466.874	91.874											91.874		
10 43			1.470.647	95.647											95.647		
11 44			1.474.457	99.457											99.457		
12 45			1.478.309	103.309											103.309		
13 46			1.482.213	107.213											107.213		
14 47			1.486.150	111.150											111.150		
15 48			1.490.108	115.108											115.108		

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ.

TRƯỜNG HỢP 2: ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM DỰ KIẾN TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC

2.2: MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM Đơn vị tính: nghìn đồng

a. Minh họa quyền lợi ở mức tỷ suất đầu tư cao

Năm HĐ Tuổi của NĐBH chính	Tổng phí bảo hiểm	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi bảo hiểm Tử vong/ TTTBVV	MINH HỌA QUYỀN LỢI Ở MỨC TỶ SUẤT ĐẦU TƯ CAO (KHÔNG ĐẢM BẢO)											
				Quyền lợi đầu tư (A)					Thưởng Gắn bó dài lâu + Đồng hành (B)					Tổng Giá trị Tài khoản hợp đồng (A)+(B)	Khoản tiền rút ra (*)
				Quỹ Dẫn đầu	Quỹ Tài chính năng động	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Cân bằng	Quỹ Bảo toàn	Quỹ Dẫn đầu	Quỹ Tài chính năng động	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Cân bằng	Quỹ Bảo toàn		
16 49			1.494.065	119.065										119.065	
17 50			1.497.985	122.985										122.985	
18 51			1.501.832	126.832										126.832	
19 52			1.505.540	130.540										130.540	
20 53			1.509.053	134.053										134.053	

Theo quy định của Bộ Tài chính, “Minh họa phân bổ phí và quyền lợi bảo hiểm của Sản phẩm chính” chỉ được trình bày trong 20 năm đầu tiên. Nếu HĐBH vẫn được BMBH duy trì hiệu lực sau đó, thì các quyền lợi bảo hiểm vẫn được đảm bảo đầy đủ, và các Quỹ sẽ tiếp tục được đầu tư.

(*) Số tiền thể hiện ở cột "Khoản tiền rút ra" là số tiền được giả định là Khách hàng rút ra từ Giá trị Tài khoản hợp đồng và sẽ được khấu trừ vào Giá trị Tài khoản hợp đồng.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ.

TRƯỜNG HỢP 2: ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM DỰ KIẾN TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC

2.2: MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM Đơn vị tính: nghìn đồng

b. Minh họa quyền lợi ở mức tỷ suất đầu tư thấp

Năm HĐ Tuổi của NĐBH chính	Tổng phí bảo hiểm	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi bảo hiểm Tử vong/ TTTBVV	MINH HỌA QUYỀN LỢI Ở MỨC TỶ SUẤT ĐẦU TƯ THẤP (KHÔNG ĐẢM BẢO)												Tổng Giá trị Tài khoản hợp đồng (A)+(B)	Khoản tiền rút ra (*)
				Quyền lợi đầu tư (A)					Thưởng Gắn bó dài lâu + Đồng hành (B)								
				Quỹ Dẫn đầu	Quỹ Tài chính năng động	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Cân bằng	Quỹ Bảo toàn	Quỹ Dẫn đầu	Quỹ Tài chính năng động	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Cân bằng	Quỹ Bảo toàn				
1 34	25.000	12.500	1.385.231	10.231											10.231		
2 35	25.000	17.500	1.400.415	25.415											25.415		
3 36	25.000	20.000	1.418.032	43.032											43.032		
4 37	25.000	20.000	1.435.557	60.557											60.557		
5 38			1.432.858	57.858											57.858		
6 39			1.429.912	54.912											54.912		
7 40			1.426.696	51.696											51.696		
8 41			1.423.197	48.197											48.197		
9 42			1.419.403	44.403											44.403		
10 43			1.415.324	40.324											40.324		
11 44			1.410.936	35.936											35.936		
12 45			1.406.236	31.236											31.236		
13 46			1.401.232	26.232											26.232		
14 47			1.395.899	20.899											20.899		
15 48			1.390.220	15.220											15.220		

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ.

TRƯỜNG HỢP 2: ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM DỰ KIẾN TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC

2.2: MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM Đơn vị tính: nghìn đồng

b. Minh họa quyền lợi ở mức tỷ suất đầu tư thấp

Năm HĐ Tuổi của NĐBH chính	Tổng phí bảo hiểm	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi bảo hiểm Tử vong/ TTTBVV	MINH HỌA QUYỀN LỢI Ở MỨC TỶ SUẤT ĐẦU TƯ THẤP (KHÔNG ĐẢM BẢO)											
				Quyền lợi đầu tư (A)					Thưởng Gắn bó dài lâu + Đồng hành (B)					Tổng Giá trị Tài khoản hợp đồng (A)+(B)	Khoản tiền rút ra (*)
				Quỹ Dẫn đầu	Quỹ Tài chính năng động	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Cân bằng	Quỹ Bảo toàn	Quỹ Dẫn đầu	Quỹ Tài chính năng động	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Cân bằng	Quỹ Bảo toàn		
16 49			1.384.170	9.170										9.170	
17 50			1.377.715	2.715										2.715	
18 51				(**)											

(*) Số tiền thể hiện ở cột "Khoản tiền rút ra" là số tiền được giả định là Khách hàng rút ra từ Giá trị Tài khoản hợp đồng và sẽ được khấu trừ vào Giá trị Tài khoản hợp đồng.

(**) Hợp đồng mất hiệu lực do Giá trị Tài khoản hợp đồng không đủ để khấu trừ các chi phí hàng tháng.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LÒI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ.

MINH HẠ GIÁ TRỊ HOÀN LẠI VÀ TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI TẠI CUỐI NĂM HỢP ĐỒNG THỨ 20 Đơn vị tính: đồng

MINH HẠ GIÁ TRỊ HOÀN LẠI (*)	Năm hợp đồng	Trường hợp 1: Đóng Phí bảo hiểm trong thời hạn đóng phí dự kiến		Trường hợp 2: Đóng Phí bảo hiểm trong thời gian đóng phí bắt buộc	
		Tỷ suất đầu tư cao	Tỷ suất đầu tư thấp	Tỷ suất đầu tư cao	Tỷ suất đầu tư thấp
	1	-	-	-	-
	2	3.705.200	415.400	3.705.200	415.400
	3	37.860.000	30.531.800	37.860.000	30.531.800
	4	66.276.300	53.057.100	66.276.300	53.057.100
	5	94.078.800	72.958.200	72.278.700	52.858.100
	Từ Năm hợp đồng thứ 6 trở đi Giá trị hoàn lại bằng với Giá trị Tài khoản hợp đồng.				
TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI TẠI CUỐI NĂM HỢP ĐỒNG THỨ 20	Tổng phí đóng dự kiến (**)	500.000.000		100.000.000	
	Tổng tiền rút dự kiến	0		0	
	Giá trị tài khoản cuối Năm hợp đồng thứ 20	Tỷ suất đầu tư cao	Tỷ suất đầu tư thấp	Tỷ suất đầu tư cao	Tỷ suất đầu tư thấp
		1.087.759.300	434.810.700	134.053.400	0 HĐ mất hiệu lực năm 18

(*) Giá trị hoàn lại là số tiền Khách hàng sẽ nhận được nếu Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt hiệu lực trước thời hạn và được xác định dựa trên Giá trị Tài khoản hợp đồng ngay ngày chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trừ đi Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn. Khách hàng chỉ nhận Giá trị hoàn lại khi Hợp đồng bảo hiểm có Giá trị hoàn lại. Khách hàng có thể nhận được số tiền ít hơn số phí đã đóng phụ thuộc vào kết quả hoạt động của Quỹ liên kết đơn vị.

(**) Tổng phí đóng dự kiến bao gồm Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm đóng thêm của Sản phẩm chính, không bao gồm Phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bán kèm.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ.

Ghi chú:

- Các giá trị trong Tài liệu minh họa bán hàng này là không cam kết và chỉ nhằm mục đích minh họa.
- Phí bảo hiểm định kỳ và Phí rủi ro trong Tài liệu minh họa bán hàng này không bao gồm phần phí tăng vì lý do sức khỏe.
- Bên mua bảo hiểm phải đóng phí để đảm bảo Giá trị Tài khoản hợp đồng luôn lớn hơn Khoản khấu trừ hàng tháng. Khoản khấu trừ phí hàng tháng bao gồm Phí rủi ro của Sản phẩm chính và Phí quản lý hợp đồng.
- Các giá trị nêu trong các bảng minh họa bên trên được tính toán trên cơ sở cuối Năm hợp đồng với điều kiện Phí bảo hiểm được đóng đủ vào đầu Năm hợp đồng. Giá trị Tài khoản hợp đồng thực tế có thể thay đổi phụ thuộc vào định kỳ đóng phí, thời điểm đóng phí, giá đơn vị quỹ, ... Để biết thông tin Giá trị Tài khoản hợp đồng và tình trạng Hợp đồng bảo hiểm, Khách hàng nên thường xuyên theo dõi Hợp đồng bảo hiểm của mình tại địa chỉ website <https://kh.dai-ichi-life.com.vn/> hoặc ứng dụng Dai-ichi Connect.

MỘT SỐ LƯU Ý QUAN TRỌNG

- Bên mua bảo hiểm cần chắc chắn rằng Hợp đồng bảo hiểm này đáp ứng được các nhu cầu và khả năng tài chính của mình. Nếu Bên mua bảo hiểm muốn được cung cấp thêm thông tin hoặc làm rõ thêm về sản phẩm, vui lòng liên hệ với Dai-ichi Life Việt Nam hoặc đại lý bảo hiểm của Dai-ichi Life Việt Nam.
- Hợp đồng Sản phẩm bảo hiểm Liên kết đơn vị An Phát Đầu Tư Thịnh Vượng là một cam kết dài hạn, do vậy, quyền lợi sản phẩm chỉ được đảm bảo khi Bên mua bảo hiểm đóng phí đầy đủ và liên tục trong dài hạn. Bên mua bảo hiểm cần cân nhắc khi hủy Hợp đồng bảo hiểm trước hạn vì các khoản chi phí ban đầu rất cao. Việc Bên mua bảo hiểm hủy bỏ/chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm có thể dẫn đến việc không nhận lại được giá trị tương đương với khoản phí bảo hiểm đã đóng.
- Để có thông tin đầy đủ về quyền lợi bảo hiểm và các điều kiện liên quan đến các quyền lợi bảo hiểm, Bên mua bảo hiểm vui lòng tham khảo thêm Quy tắc và Điều khoản của tất cả sản phẩm bảo hiểm được công khai tại địa chỉ website <https://dai-ichi-life.com.vn> và Quy tắc và Điều khoản được Dai-ichi Life Việt Nam bàn giao cho Khách hàng khi Hợp đồng bảo hiểm được phát hành.
- Bên mua bảo hiểm cần phải đóng phí đầy đủ và đúng thời hạn. Nếu đóng phí không đầy đủ, không đúng hạn sẽ dẫn đến Hợp đồng bảo hiểm mất hiệu lực. Khi Bên mua bảo hiểm khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm, Dai-ichi Life Việt Nam có quyền chấp nhận hoặc từ chối khôi phục nếu Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm không thỏa điều kiện tham gia bảo hiểm.
- Bên mua bảo hiểm cần tự đánh giá tất cả các quyền lợi theo Hợp đồng bảo hiểm của mình, hiểu rõ cách phân bổ phí bảo hiểm, các khoản phí khấu trừ hàng tháng và ảnh hưởng của khoản phí này đối với quyền lợi của mình.
- Nếu Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm không cung cấp đầy đủ và chính xác thông tin khi tham gia Hợp đồng bảo hiểm và (các) Sản phẩm bán kèm hoặc khi có yêu cầu khôi phục hiệu lực/điều chỉnh hợp đồng, Dai-ichi Life Việt Nam có quyền hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm và (các) Sản phẩm bán kèm hoặc hủy bỏ yêu cầu khôi phục hiệu lực/yêu cầu điều chỉnh hợp đồng. Khi đó, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ không chi trả bất kỳ quyền lợi bảo hiểm nào liên quan đến (các) sản phẩm bảo hiểm bị hủy bỏ, thu hồi các quyền lợi bảo hiểm đã được chấp thuận chi trả trước đó và hoàn lại phí bảo hiểm đã đóng kể từ thời điểm bị hủy bỏ cho Bên mua bảo hiểm sau khi trừ đi chi phí hợp lý (nếu có). Chi tiết theo quy định tại Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm này.

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LÒI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ.**

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

Tôi ký tên dưới đây xác nhận:

- 1 - Tôi đã được thông tin và hướng dẫn về công cụ tính phí – xây dựng kế hoạch bảo hiểm trên Trang thông tin điện tử của Dai-ichi Life Việt Nam với địa chỉ <https://dai-ichi-life.com.vn>.
- 2 - Tôi đã hiểu rõ tất cả đặc điểm của tất cả sản phẩm bảo hiểm trong Tài liệu minh họa bán hàng này.
- 3 - Tôi đã được tư vấn, giải thích chi tiết, đã đọc, hiểu rõ và đồng ý với nội dung toàn bộ Quy tắc và Điều khoản của (các) sản phẩm, điều khoản loại trừ, quyền và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm, các nội dung chi tiết trên tất cả các trang của Tài liệu minh họa bán hàng này. Tôi xác nhận không có bất kỳ thắc mắc, đề nghị làm rõ nào đối với bất kỳ nội dung nào tại Tài liệu minh họa bán hàng này.
- 4 - Tôi đã hiểu rõ rằng:
 - Tài liệu minh họa bán hàng này được tính toán dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm được thẩm định ở mức rủi ro chuẩn (điều kiện chuẩn). Phí bảo hiểm định kỳ và Phí rủi ro thực tế sẽ tùy thuộc vào kết quả thẩm định của Dai-ichi Life Việt Nam và do đó có thể làm thay đổi các Giá trị Tài khoản hợp đồng và Giá trị hoàn lại của hợp đồng.
 - Giá trị Tài khoản hợp đồng tùy thuộc vào mức lãi suất đầu tư thực tế, Phí bảo hiểm thực đóng của Sản phẩm chính, số tiền rút ra thực tế, và vì vậy giá trị này có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị ghi ở Tài liệu minh họa bán hàng này.
 - Hợp đồng bảo hiểm sẽ mất hiệu lực khi Phí bảo hiểm định kỳ không được đóng đầy đủ và đúng hạn trong 4 Năm hợp đồng đầu tiên hoặc khi Giá trị Tài khoản hợp đồng nhỏ hơn Khoản khấu trừ hàng tháng và Khoản nợ (nếu có) kể từ Năm hợp đồng thứ 5 trở đi.
- 5 - Tôi hoàn toàn tự nguyện và đồng ý tham gia (các) sản phẩm bảo hiểm này.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI LÝ
BẢO HIỂM

Tôi ký tên dưới đây xác nhận và cam kết đã giải thích trung thực, đầy đủ và đã tư vấn cho Bên mua bảo hiểm về chi tiết của Tài liệu minh họa bán hàng này cũng như các nội dung của Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm.

Lưu ý: Trường hợp Yêu cầu bảo hiểm nhân thọ được nộp bằng hệ thống nộp Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm trực tuyến, Bên mua bảo hiểm và đại lý bảo hiểm/nhân viên của đại lý bảo hiểm tổ chức sẽ thực hiện xác nhận Tài liệu minh họa bán hàng này bằng việc ký tại Phiếu Xác nhận Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm dữ liệu điện tử, thay vì ký tại Tài liệu này.

Ngày ký: ____/____/____

Ngày ký: ____/____/____

Chữ ký: _____

Chữ ký: _____

Bên mua bảo hiểm: NGUYỄN
VĂN A

Đại lý bảo hiểm: Product
Dummy Agent

Mã số đại lý: 158424

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LÒI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ.

BẢNG CÂU HỎI ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHẤP NHẬN RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

CÂU HỎI	ĐIỂM
Câu 1: Quý khách đang ở độ tuổi nào?	
a. 50 tuổi trở lên	☐ 1 điểm
b. Từ 40 đến dưới 50 tuổi	☐ 2 điểm
c. Từ 30 đến dưới 40 tuổi	☒ 3 điểm
d. Dưới 30 tuổi	☐ 4 điểm
Câu 2: Vui lòng cho biết trình độ học vấn của Quý khách	
a. Dưới Trung Học Cơ Sở	☐ 1 điểm
b. Trung Học Cơ Sở/Trung Học Phổ Thông	☐ 2 điểm
c. Cao Đẳng/Đại Học/Sau Đại Học	☒ 3 điểm
Câu 3: Nhận xét về kiến thức và kinh nghiệm về đầu tư, Quý khách tự đánh giá về mình như thế nào?	
a. Không có/Chưa có bất kỳ kinh nghiệm/kiến thức đầu tư	☐ 1 điểm
b. Rất ít kinh nghiệm/kiến thức đầu tư	☐ 2 điểm
c. Có ít kinh nghiệm/kiến thức đầu tư nhưng cần hỗ trợ thêm	☐ 3 điểm
d. Là nhà đầu tư có kinh nghiệm/kiến thức và hoạt động hiệu quả	☒ 4 điểm
Câu 4: Mức độ chấp nhận rủi ro trong đầu tư của Quý khách như thế nào?	
a. Không muốn nhận bất kỳ rủi ro nào	☐ 1 điểm
b. Chấp nhận một ít rủi ro để có khả năng sinh lợi	☐ 2 điểm
c. Chấp nhận rủi ro cao hơn để có khả năng sinh lợi cao hơn	☐ 3 điểm
d. Chấp nhận mọi rủi ro của thị trường để đạt khả năng sinh lợi cao nhất	☒ 4 điểm

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ.

CÂU HỎI	ĐIỂM
Câu 5: Quý khách dự định đầu tư cho nguồn vốn hiện có trong bao lâu?	
a. Dưới 5 năm	☐ 1 điểm
b. Từ 5 năm đến 10 năm	☐ 2 điểm
c. Trên 10 năm	☒ 3 điểm
Câu 6: Đối với các khoản đầu tư trong vòng 1 năm của Quý khách, mức biến động lên xuống của tỷ suất đầu tư nào dưới đây Quý khách có thể chấp nhận được?	
a. Khoảng 5%	☐ 1 điểm
b. Khoảng 15%	☐ 2 điểm
c. Khoảng 25%	☐ 3 điểm
d. Trên 25%	☒ 4 điểm
TỔNG ĐIỂM	21 điểm

MỨC ĐỘ CHẤP NHẬN RỦI RO

Cá nhân	Mức độ chấp nhận rủi ro	Các Quỹ nên tập trung
Dưới 9 điểm	☐ Thận trọng về đầu tư	Quỹ Bảo toàn; hoặc Kết hợp Quỹ Bảo toàn và Quỹ Cân bằng
9 - 11 điểm	☐ Tương đối thận trọng về đầu tư	Quỹ Bảo toàn và Quỹ Cân bằng
12 - 14 điểm	☐ Cân bằng về đầu tư	Quỹ Cân bằng
15 - 18 điểm	☐ Tương đối mạo hiểm về đầu tư	Quỹ Cân bằng và Quỹ Tăng trưởng/Quỹ Dẫn đầu/Quỹ Tài chính năng động
19 - 22 điểm	☒ Mạo hiểm về đầu tư	Quỹ Tăng trưởng/Quỹ Dẫn đầu/Quỹ Tài chính năng động

Lưu ý: Các khách hàng có mức độ chấp nhận rủi ro ở mức “Thận trọng” hoặc trên 60 tuổi hoặc không có/chưa có bất kỳ kinh nghiệm/kiến thức đầu tư nào nên cần nhắc không tham gia Quỹ Tăng trưởng, Quỹ Dẫn đầu, Quỹ Tài chính năng động.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ.

Các Quỹ được Bên mua bảo hiểm quyết định lựa chọn (tại thời điểm tham gia mới):

Tỷ lệ đầu tư vào các Quỹ	Quỹ Dẫn đầu	Quỹ Tài chính năng động	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Cân bằng	Quỹ Bảo toàn
%	100%	0%	0%	0%	0%

Tôi/Chúng tôi hiểu rõ rằng bảng câu hỏi này là công cụ hỗ trợ giúp Tôi/Chúng tôi đánh giá mức độ chấp nhận rủi ro trong đầu tư của mình thông qua các câu hỏi và trả lời trắc nghiệm. Tôi/Chúng tôi đã được tư vấn, giải thích rõ ràng và hiểu được mức độ phù hợp của sản phẩm với nhu cầu tài chính của bản thân cũng như các rủi ro có thể xảy ra khi tham gia sản phẩm và quyết định chọn các quỹ này. Quyết định cuối cùng về việc chọn Quỹ nào để đầu tư hoàn toàn là quyết định riêng của Tôi/Chúng tôi. Tôi/Chúng tôi cam kết chấp nhận mọi rủi ro đầu tư từ (các) Quỹ mà mình đã chọn nêu trên.

Ngày ký: ____/____/____ Ngày ký: ____/____/____

Chữ ký: _____ Chữ ký: _____

Bên mua bảo hiểm: NGUYỄN VĂN A Đại lý bảo hiểm: Product Dummy Agent
Mã số đại lý: 158424 Mã số đại lý: 158424

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ.